

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MANG THÍT  
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 23/4/2024  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,  
cấp dưỡng, chia tài sản chung

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Đình Cường  
2. Ông Lê Thành Tam

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng, chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Đức K**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Mỹ Hạnh, xã Chánh An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Xuân T**, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: **ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long**

Chỗ ở hiện nay: **ấp I, xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Trần Văn A**, sinh năm 1948 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: **ấp M, xã C, huyện V, tỉnh Vĩnh Long**

3.2. Bà **Trần Thị Đông H**, sinh năm 1959 (xin vắng mặt)

3.3. Ông **Trần Công M**, sinh năm 1965 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **ấp V, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông **Trần Đức K** trình bày:

Vào năm 2005 ông **K** và bà **T** qua quen biết tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Q, huyện V** ngày 27/11/2010, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108/2010, quyển số 01/2010. Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên: **Trần Khải H1**, sinh ngày 09/12/2011, hiện đang sống chung với bà **T**.

Sau khi kết hôn ông **K** và bà **T** sinh sống tại **ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên gây cãi, nên ông **K** và bà **T** đã ly thân kể từ đầu năm 2023 cho đến nay không có đoàn tụ trở lại.

Nay ông **K** cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **K** yêu cầu được ly hôn với bà **Trần Thị Xuân T**.

- Về con chung: Ông **K** đồng ý giao con chung tên **Trần Khải H1**, sinh ngày 09/12/2011 cho bà **T** nuôi dưỡng, ông **K** đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

- Về tài sản chung: Đối với yêu cầu của bà **T** yêu cầu chia tài sản chung, ông **K** có ý kiến như sau:

Sau khi ông **K** và bà **T** cưới nhau thì ông **K** và bà **T** ở chung nhà với cha ông **K** là ông **Trần Văn A**, sau đó vợ chồng ông **K** và bà **T** ra ở riêng, khi ra ở riêng ông **Trần Văn A** có cho tiền ông **K** và bà **T** cất nhà ở, cho thời gian nào ông **K** không nhớ, ban đầu ông **K** và bà **T** cất 01 căn nhà cấp 4 (chỉ xây tường không tô, lát gạch tàu). Sau khi ông **K** và bà **T** ra ở riêng một thời gian thì vợ chồng sửa chữa và xây dựng mở rộng thêm, sau này chị vợ là bà **H** và anh vợ là ông **M** có đưa tiền cho bà **T** xây dựng thêm 01 căn nhà cấp 4 liền kề chung vách với căn nhà của ông **K** và bà **T** đang ở, bà **H** và ông **M** đưa cho bà **T** bao nhiêu tiền thì ông **K** không biết, mục đích xây thêm để cho mẹ vợ của ông **K** ở, mẹ vợ chỉ ở được vài tháng rồi không ở nữa. Hiện 02 căn nhà cấp 4 liền kề (chung vách) đều thuộc thửa đất số 27 do ông **Trần Văn A** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại **ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long**.

Nay bà **T** yêu cầu ông **K** chia  $\frac{1}{2}$  giá trị tiền cất nhà là 125.000.000 ông **K** không đồng ý, nếu bà **T** không ở căn nhà này nữa thì có quyền đập bỏ, chứ ông **K** không đồng ý chia giá trị.

Ông **K** không đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá, tuy nhiên ông **K** cũng không yêu cầu định giá lại.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn khởi kiện ngày 11/9/2023, đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 11/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **T** thừa nhận giữa bà **T** và ông **K** cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện V ngày 27/11/2010, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108/2010, quyển số 01/2010, nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, nên bà **T** đồng ý ly hôn với ông **K**.

- Về con chung: có 01 con chung tên **Trần Khải H1**, sinh ngày 09/12/2011. Khi ly hôn bà **T** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **H1**. Bà **T** yêu cầu ông **K** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **H1** mỗi tháng là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu **H1** đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Khi cha chồng là ông **Trần Văn A** cho ra ở riêng vào năm 2009 thì bà **T** và ông **K** có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 (chỉ xây tường không tô, lát gạch tàu), ông **Trần Văn A** có cho tiền bà **T** và ông **K** cất nhà nhưng bà **T** không nhớ là bao nhiêu, sau này chị ruột của bà **T** là bà **Trần Thị Đông H** cho số tiền là 180.000.000 đồng, anh ruột là ông **Trần Công M** cho số tiền là 70.000.000 đồng thì bà **T** và ông **K** mới sửa chữa, xây dựng mở rộng thêm và có xây thêm 01 căn liền kề chung vách với căn ông **K** và bà **T** đang ở, cùng thuộc thửa đất số 27 do ông **Trần Văn A** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi ly hôn, bà **T** đồng ý giao toàn bộ 02 căn nhà cấp 4 liền kề (chung vách) và công trình phụ cho ông **K** quản lý, sử dụng. Bà **T** yêu cầu ông **K** chia  $\frac{1}{2}$  giá trị tiền cất nhà là 125.000.000 đồng cho bà **T**.

Bà **T** xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung là  $\frac{1}{2}$  giá trị xe mô tô hiệu Future mang biển số 64B1-101.15 do ông **Trần Đức K** đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà **T** thống nhất với kết quả định giá của Hội đồng định giá.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm con chung trên 07 tuổi của nguyên đơn và bị đơn cháu **Trần Khải H1**, sinh ngày 09/12/2011 trình bày: Cha của cháu là ông **Trần Đức K** và mẹ là bà **Trần Thị Xuân T**, khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Ngoài ra không có ý kiến gì khác

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin vắng mặt ngày 17/10/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Trần Thị Đông H** trình bày:

Bà **H** là chị ruột của bà **T**, vào năm 2009 bà **T** và ông **K** chuẩn bị cất nhà nên bà **H** có cho bà **T** và ông **K** số tiền là 180.000.000 đồng để bà **T** và ông **K** cất nhà ở, số tiền này bà **H** đã cho bà **T** và ông **K** cất nhà xong, trong vụ án này

bà **H** không có yêu cầu độc lập gì và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Tại đơn xin vắng mặt ngày 05/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Công M** trình bày:*

Ông **M** là anh ruột của bà **T**, vào năm 2009 bà **T** và ông **K** chuẩn bị cất nhà nên ông **M** có cho bà **T** và ông **K** số tiền là 70.000.000 đồng để bà **T** và ông **K** cất nhà ở, số tiền này ông **M** đã cho bà **T** và ông **K** cất nhà xong, trong vụ án này ông **M** không có yêu cầu độc lập gì và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của ông **Trần Đức K** về việc xin ly hôn với bà **Trần Thị Xuân T**.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho nguyên đơn ông **Trần Đức K** được ly hôn với bị đơn bà **Trần Thị Xuân T**.

+ Về nuôi con chung: Giao con chung tên **Trần Khải H1**, sinh ngày 09/12/2011 cho bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc nguyên đơn ông **Trần Đức K** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên **Trần Khải H1**, sinh ngày 09/12/2011 mỗi tháng là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn bà **Trần Thị Xuân T**.

Công nhận cho nguyên đơn ông **Trần Đức K** được quyền quản lý, sử dụng 02 căn nhà cấp 4 liền kề (chung vách) và các công trình phụ trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 13, diện tích 261,8m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại **ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long**. Buộc nguyên đơn ông **Trần Đức K** phải chia ½ giá trị tiền cất căn nhà nói trên cho bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** được hưởng là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

+ Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng và tiền án phí dân sự sơ

thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.250.000 đồng.

+ Về chi phí tố tụng là 1.650.000 đồng, bị đơn bà **T** tự nguyện nộp toàn bộ, bà **T** đã nộp xong, không phải nộp thêm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có nơi cư trú tại **xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long**. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Văn A**, ông **Trần Công M**, bà **Trần Thị Đông H** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét, giữa ông **K** và bà **T** chung sống có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long**. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông **K** và bà **T** là hợp pháp. Ông **K** cho rằng trong quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên ông **K** và bà **T** đã ly thân từ đầu năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai là có xảy ra trên thực tế, bởi sự việc cũng được bà **T** thừa nhận và bà **T** cũng đồng ý ly hôn với ông **K**. Vì vậy, xét việc ông **K** yêu cầu được ly hôn với bà **T** là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà **T** yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên **Trần Khải H1**, sinh ngày 09/12/2011; xét cháu **H1** hiện do bà **T** nuôi dưỡng, cháu vẫn phát triển tốt về mọi mặt, cháu **H1** cũng có nguyện vọng được sống chung với bà **T**, ông **K** cũng đồng ý giao cháu **H1** cho bà **T** nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu **H1** cho bà **T** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà **T** yêu cầu ông **K** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên **Trần Khải H1**, sinh ngày 09/12/2011 mỗi tháng là 900.000 đồng, ông **K** cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu **H1** mỗi tháng là 900.000 đồng. Do đó yêu cầu của bà **T** là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung:

[2.4.1] Ông **K** và bà **T** đều thừa nhận sau khi ông **K** và bà **T** ra ở riêng thì ông **K** và bà **T** có xây dựng 01 căn nhà cấp 4 (chỉ xây tường không tô, lót gạch tàu). Sau đó ông **K** và bà **T** sửa chữa, mở rộng căn nhà này và xây thêm 01 căn nhà cấp 4 liền kề chung vách với căn nhà của ông **K** và bà **T** đang ở, cùng thuộc thửa đất số 27 do ông **Trần Văn A** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại **ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long**. Ông **K** và bà **T** đều thừa nhận 02 căn nhà cấp 4 liền kề (chung vách) trên thửa đất số 27 là tài sản chung của vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, xác định 02 căn nhà cấp 4 liền kề (chung vách) trên thửa đất 27 là tài sản chung của ông **K** và bà **T**.

[2.4.2] Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và biên bản định giá cùng ngày 19/12/2023 thể hiện: 02 căn nhà cấp 4 liền kề (chung vách) trên thửa đất số 27 có kết cấu:

- Căn thứ nhất: khung cột đà bê tông, cốt thép, tường xây gạch, nền lót gạch men, mái lợp tôn có trần, có diện tích 49,6m<sup>2</sup>; có giá là 159.798.750 đồng.

- Căn thứ hai: khung cột đà bê tông, cốt thép, tường xây gạch, nền lót gạch men, mái lợp tôn có trần, có diện tích 72,562m<sup>2</sup>; có giá là 233.776.550 đồng.

- Công trình phụ, gồm có:

+ Mái hiên trước: khung cột bê tông, cốt thép, chôn chân, mái lợp tôn, nền lát xi măng, không vách, không trần, có diện tích 19,68m<sup>2</sup>; có giá là 12.374.787 đồng.

+ Mái hiên sau: khung cột bê tông, cốt thép, chôn chân, mái lợp tôn, nền lát xi măng, không vách, không trần, có diện tích 19,2m<sup>2</sup>; có giá là 12.072.963 đồng.

[2.4.3]. Bà **T** cho rằng chị ruột của bà **T** là bà **Trần Thị Đông H** và anh ruột là ông **Trần Công M** cho tổng số số tiền là 250.000.000 đồng để bà **T** và ông **K** sửa chữa, xây dựng mở rộng và có xây thêm 01 căn liền kề chung vách với căn ông **K** và bà **T** đang ở, cùng thuộc thửa đất số 27 do ông **Trần Văn A** đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lời trình bày của bà **T** là có căn cứ. Bởi lẽ, ông **K** cũng thừa nhận bà **H** và ông **M** có đưa tiền cho bà **T** xây dựng thêm 01 căn nhà cấp 4 liền kề chung vách với căn nhà của ông **K** và bà **T** đang ở, mặc dù ông **K** cho rằng bà **H** và ông **M** đưa cho bà **T** bao nhiêu tiền thì ông **K** không biết. Tuy nhiên, như những nhận định trên có đủ căn cứ xác định 02 căn nhà liền kề (chung vách) trên thửa đất 27 là tài sản chung của ông **K** và bà **T**, nay bà **T** đồng ý giao toàn bộ 02 căn nhà cấp 4 liền kề (chung vách) và công trình phụ cho ông **K** quản lý, sử dụng. Bà **T** chỉ yêu cầu ông **K** chia  $\frac{1}{2}$  giá trị tiền cất nhà là 125.000.000 đồng là có lợi cho ông **K**, do số tiền bà **T** yêu cầu thấp hơn giá trị hiện tại của 02 căn nhà. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **T** buộc ông **K** chia  $\frac{1}{2}$  giá trị tiền cất nhà là 125.000.000 đồng cho bà **T**.

[2.4.4] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung là  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe máy hiệu Future mang biển số 64B1-101.15 do ông **Trần Đức K** đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe và tại phiên tòa bà **T** vẫn giữ nguyên việc rút lại yêu cầu này. Xét thấy, việc bà **T** rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu rút của bà **T**.

[2.5] Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát **huyện M** là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông **Trần Đức K** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng. Tổng cộng tiền án phí sơ thẩm ông **Trần Đức K** phải nộp là 900.000 đồng.

- Bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.250.000 đồng.

[5] Về chi phí tố tụng là 1.650.000 đồng, bị đơn bà **T** tự nguyện nộp toàn bộ, bà **T** đã nộp xong, không phải nộp thêm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 165; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 213, Điều 219 và Điều 274 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, 33, 51, 56, 59, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24, điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của ông **Trần Đức K** về việc xin ly hôn với bà **Trần Thị Xuân T**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho nguyên đơn ông **Trần Đức K** được ly hôn với bị đơn bà **Trần Thị Xuân T**.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên **Trần Khải H1**, sinh ngày 09/12/2011 cho bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc nguyên đơn ông **Trần Đức K** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên **Trần Khải H1**, sinh ngày 09/12/2011 mỗi tháng là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà **Trần Thị Xuân T**.

4.1. Công nhận cho nguyên đơn ông **Trần Đức K** được quyền quản lý, sử dụng 02 căn nhà cấp 4 liền kề (chung vách) và các công trình phụ trên thửa đất số 27, tờ bản đồ số 13, diện tích 261,8m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại **ấp M, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long**. Căn nhà có kết cấu:

- Căn thứ nhất: khung cột đà bê tông, cốt thép, tường xây gạch, nền lót gạch men, mái lợp tôn có trần, có diện tích 49,6m<sup>2</sup>.

- Căn thứ hai: khung cột đà bê tông, cốt thép, tường xây gạch, nền lót gạch men, mái lợp tôn có trần, có diện tích 72,562m<sup>2</sup>.

- Công trình phụ, gồm có:

+ Mái hiên trước: khung cột bê tông, cốt thép, chôn chân, mái lợp tôn, nền lát xi măng, không vách, không trần, có diện tích 19,68m<sup>2</sup>.

+ Mái hiên sau: khung cột bê tông, cốt thép, chôn chân, mái lợp tôn, nền lát xi măng, không vách, không trần, có diện tích 19,2m<sup>2</sup>.

4.2. Buộc nguyên đơn ông **Trần Đức K** phải chia  $\frac{1}{2}$  giá trị tiền cát căn nhà nói trên cho bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** được hưởng là 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

4.3. Đình chỉ yêu cầu của bà **Trần Thị Xuân T** về việc yêu cầu chia tài sản chung là  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc xe máy hiệu Future mang biển số 64B1-101.15 do ông **Trần Đức K** đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe.

5. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

6. Về chi phí tố tụng 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi triệu đồng), bị đơn bà **T** tự nguyện nộp toàn bộ, bà **T** đã nộp xong, không phải nộp thêm.

7. Về án phí sơ thẩm:



- Nguyên đơn ông **Trần Đức K** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng. Tổng cộng tiền án phí sơ thẩm ông **Trần Đức K** phải nộp là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng), số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số 0001085, ngày 11/7/2023. Nguyên đơn phải nộp thêm 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) tiền án phí.

- Bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền này được khấu trừ từ 6.438.000 đồng (Sáu triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bị đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số 0001175, ngày 19/9/2023. Hoàn trả lại cho bị đơn bà **T** số tiền là 188.000 đồng (Một trăm tám mươi tám nghìn đồng).

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- UBND xã Quới An, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**

